

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án tổ chức lựa chọn đơn vị khai thác
các tuyến xe buýt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 23/06/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển GTVT Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2651/UBND-CN ngày 08/07/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cho phép mở Tuyến xe bus số 03;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 10/TTr-SGTVT ngày 13/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án tổ chức lựa chọn đơn vị khai thác các tuyến xe buýt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Phương án này được áp dụng để tiến hành các bước lựa chọn đơn vị khai thác các tuyến xe buýt nội tỉnh không trợ giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *PT*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH Quảng Trị, Báo Quảng Trị;
- Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT, KT. *PT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Đức Tiến



**PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KHAI THÁC
CÁC TUYẾN XE BUÝT NỘI TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số **241/QĐ-UBND** ngày **10** tháng **02** năm **2023**
của UBND tỉnh Quảng Trị)

**PHẦN I
PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LỰA CHỌN**

I. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, thời gian hoạt động.

1. Mục tiêu.

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa vận tải hành khách bằng xe buýt, kêu gọi các nguồn lực tham gia kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Định hướng đầu tư phát triển phương tiện xe buýt, đơn vị khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt về số lượng, chất lượng, quy mô phù hợp với thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch, tạo nếp quen sử dụng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt của người tham gia giao thông, hạn chế sử dụng xe cá nhân, góp phần quan trọng vào công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh;

- Nâng cao hiệu quả chức năng quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ; đảm bảo hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt đi vào nề nếp, đúng quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc hoạt động

Nhà nước không trợ giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh; đơn vị khai thác tuyến thực hiện kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô trên cơ sở quy định của pháp luật.

3. Thời gian hoạt động

Trong vòng 45 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng khai thác, đơn vị được lựa chọn ký kết hợp đồng khai thác phải thực hiện vận chuyển khách trên các tuyến được giao khai thác. Nếu đơn vị không thực hiện vận chuyển khách theo thời hạn quy định, Sở Giao thông vận tải mời đơn vị có điểm cao kế tiếp thực hiện ký kết hợp đồng khai thác tuyến đó. Đơn vị được đặt hàng, trúng thầu được ký hợp đồng khai thác tuyến xe buýt với thời hạn 10 (mười) năm.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Điều kiện đơn vị tham gia khai thác tuyến

- Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô, trong đó có loại hình kinh

doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định;

- Có đủ năng lực tài chính để thực hiện đầu tư, khai thác tuyến, phải có các cam kết khi thực hiện đầu tư, khai thác tuyến như: Về phương tiện, nhân lực, thời gian duy trì đảm bảo hoạt động đầu tư, khai thác tuyến, niêm yết và thực hiện giá vé. Trường hợp thực hiện không đúng cam kết, Sở Giao thông vận tải đình chỉ quyền hoạt động khai thác tuyến và mời đơn vị có điểm kế tiếp thực hiện.

2. Hồ sơ đăng ký khai thác

- Tên tuyến, lộ trình chạy xe, điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, cự ly tuyến, thời gian thực hiện một hành trình chạy xe theo quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Phương án này;

- Phương án khai thác tuyến;

- Hồ sơ theo quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Phương án này.

3. Tiêu chí khi tham gia khai thác tuyến

3.1. Tiêu chí bắt buộc

- Có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; có đủ hồ sơ theo quy định tại **Phụ lục 2** kèm theo Phương án này.

- Các tuyến xe buýt (Tên tuyến, lộ trình chạy xe, điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, cự ly tuyến, thời gian thực hiện một hành trình chạy xe) tham gia đầu tư, khai thác đúng theo quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Phương án này;

- Phương án đầu tư, khai thác tuyến đảm bảo các thông tin: Xe buýt vận chuyên (số lượng xe, năm sản xuất, loại xe, sức chở...) tần suất, thời gian hoạt động, phương án giá vé, nhà chờ, điểm dừng; bố trí lái xe và nhân viên phục vụ.

3.2. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm

Sau khi đơn vị đăng ký đáp ứng được các tiêu chí bắt buộc, Sở Giao thông vận tải là cơ quan tham mưu của tỉnh sẽ tiến hành đánh giá, chấm điểm tính hợp lệ hồ sơ: Về năng lực và điều kiện kinh doanh; về kỹ thuật đối với hồ sơ khai thác tuyến theo **Phụ lục 3**, **Phụ lục 4** kèm theo Phương án này.

3.2.1. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ khai thác tuyến

Hồ sơ của đơn vị tham gia lựa chọn được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:

- Có hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Phương án này;

- Đơn vị tham gia lựa chọn không đang trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh; không đang trong quá trình giải thể hoặc bị cấm hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;

- Đơn vị tham gia lựa chọn có hồ sơ hợp lệ sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và điều kiện kinh doanh. Đơn vị tham gia lựa chọn có hồ sơ không hợp lệ sẽ bị loại.

3.2.2. Đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh

- Bảng đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh đối với hồ sơ khai thác tuyến theo **Phụ lục 3** kèm theo Phương án này;

- Nội dung đánh giá theo tiêu chí đạt hoặc không đạt. Đơn vị tham gia lựa chọn đạt tất cả các nội dung theo quy định mới được đánh giá là đáp ứng yêu cầu;

- Đơn vị tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về năng lực và điều kiện kinh doanh mới được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

3.2.3. Đánh giá về kỹ thuật

- Việc đánh giá về kỹ thuật đối với hồ sơ khai thác tuyến theo **Phụ lục 4** kèm theo Phương án này;

- Đơn vị tham gia lựa chọn không đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu một trong các tiêu chuẩn kỹ thuật được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

- Đơn vị tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật mới được xem xét, xếp thứ tự đơn vị tham gia lựa chọn.

3.3. Phương án lựa chọn đơn vị khai thác

Lựa chọn đơn vị khai thác đầu tư toàn bộ phương tiện và tổ chức khai thác đối với 01 nhóm tuyến, cụ thể: gồm 03 tuyến nội tỉnh theo **Phụ lục 1** kèm theo Phương án này.

Phương án sẽ tạo được nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, tăng sự cạnh tranh lựa chọn được đơn vị có tiềm lực về tài chính, nhân lực, trình độ quản lý đáp ứng yêu cầu.

3.4. Phương thức thực hiện

Thực hiện lựa chọn như sau:

- Nếu chỉ có một đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về tiêu chí bắt buộc, đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực, kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu trong các tiêu chuẩn kỹ thuật) quy định tại Phương án này thì được chọn ký kết hợp đồng đặt hàng khai thác theo quy định tại mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Thời gian thực hiện hợp đồng là 10 năm, tính từ ngày bắt đầu khai thác;

- Nếu có từ hai đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về tiêu chí bắt buộc, đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực, kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về

kỹ thuật (đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu trong các tiêu chuẩn kỹ thuật) quy định tại Phương án này thì thực hiện đấu thầu rộng rãi lựa chọn đơn vị khai thác theo quy định tại mục 2 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. Sở Giao thông vận tải được giao làm bên mời thầu và thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

3.5. Phương tiện đưa vào khai thác

- Số lượng phương tiện tối thiểu cần bố trí cho mỗi tuyến theo **Phụ lục 5** đính kèm Phương án này.

PHẦN II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giao thông vận tải

- Công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, công bố thông tin rộng rãi lên các phương tiện thông tin đại chúng và triển khai văn bản thông báo đến các địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan để thực hiện đăng ký tham gia lựa chọn đơn vị khai thác tuyến xe buýt. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo, Sở Giao thông vận tải tổ chức, tham mưu thực hiện lựa chọn đơn vị khai thác theo phương thức thực hiện quy định tại Phương án này;

- Quản lý, theo dõi, ký hợp đồng với đơn vị được chọn khai thác triển khai hoạt động đầu tư, khai thác tuyến và quản lý quá trình thực hiện của đơn vị khai thác theo quy định.

2. Sở Tài chính.

Hướng dẫn kê khai giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định.

3. Các tổ chức tham gia đăng ký khai thác tuyến

Đảm bảo các điều kiện và tham gia lựa chọn theo các quy định tại Phương án này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Phụ lục 1: Tên tuyến, lộ trình chạy xe, điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, cự ly tuyến, thời gian thực hiện hành trình chạy xe

(Ban hành kèm theo Quyết định số **244** /QĐ-UBND ngày **10** tháng **02** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Cự ly tuyến	Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe	Ghi chú
Tuyến xe buýt nội tỉnh							
01	Thành phố Đồng Hà đi Hồ Xá và ngược lại	Trụ sở Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (đường Hùng vương nối dài) - Bệnh viện Đa khoa tỉnh - Đường Hùng Vương - Đường Trần Hưng Đạo - Chợ Đông Hà - Cầu Đông Hà - QL1A - Ngã tư Sông (Cam An) - Chợ cầu Gio Linh - Thị trấn Gio Linh - Dốc Miếu - QL1A (đường cũ) - Cầu Hiền Lương - Bến xe Hồ Xá - Km 724+300 QL1A, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh và ngược lại	Trụ sở Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (đường Hùng vương nối dài, thành phố Đồng Hà)	Km 724+300 QL1A (xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh)	40,8 km	60 phút	Tuyến hoạt động từ năm 2016
02	Thành phố Đồng Hà đi Hải Lăng và ngược lại	Khu công nghiệp Nam Đông Hà - Bệnh viện Đa khoa tỉnh - Cây xăng Lý Thường Kiệt - Phân hiệu Đại học Huế đường Lý Thường Kiệt - Đường Lê Lợi - Quốc lộ 9 - Đường Hùng Vương - Đường Trần Hưng Đạo - Chợ Đông Hà - Công viên Lê Duẩn, TP. Đông Hà - Thị trấn Ái Tử - Thị xã Quảng Trị - Nhà thờ La Vang - Thị trấn Hải Lăng - Trường THCS Hải Lăng - Bưu điện Hải Lăng - Chợ Hải Lăng và ngược lại	Khu công nghiệp Nam Đông Hà (thành phố Đồng Hà)	Chợ Hải Lăng (huyện Hải Lăng)	31,8 km	55 phút	Tuyến hoạt động từ năm 2016

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Cự ly tuyến	Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe	Ghi chú
03	Cam Lộ đi Cửa Tùng và ngược lại	UBND xã Cam Nghĩa - ĐT585 - Ngã ba Cù - Chợ Cam Lộ - Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai - Bệnh viện Đa khoa Cam Lộ - Nhà máy xi măng Quảng Trị - Chợ phường 4 - Nghĩa trang quốc gia đường 9 - Trường tiểu học Kim Đồng - Lữ Đoàn 384 - Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị - Khách sạn Đông Trường Sơn - Ngã ba đường Trần Hưng Đạo giao quốc lộ 9 - Trung tâm Văn Hóa tỉnh - Đường Hùng Vương nối dài - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, tới cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh rẽ trái quay ra đường Hùng Vương nối dài - Đường Hùng Vương - Chợ Đông Hà - Ngã tư Sòng - Cửa Việt - Cầu Cửa Tùng - Thị trấn Cửa Tùng - Chợ Do và ngược lại	UBND xã Cam Nghĩa (huyện Cam Lộ)	Chợ Do (xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Linh)	59,2 km	85 phút	Tuyến hoạt động từ năm 2016

Phụ lục 2

Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**Mẫu Hồ sơ**

Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt
(Ban hành kèm theo Quyết định số **241** /QĐ-UBND ngày **10** tháng **02** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**HỒ SƠ THAM GIA LỰA CHỌN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

- Tên tuyến vận tải:.....
- Mã số tuyến (quy ước tại Phụ lục 1 và Phụ lục 5):.....
- Lộ trình chạy xe:
- Điểm đầu tuyến:
- Điểm cuối tuyến:.....
- Tần suất chạy xe:
- Cơ quan tổ chức lựa chọn: Sở GTVT tỉnh Quảng Trị

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Đơn đăng ký lựa chọn (Mẫu số 1).
2. Giấy phép kinh doanh vận tải.
3. Phương án khai thác tuyến (Mẫu số 2).
4. Bảng kê phương tiện hiện có (Mẫu số 3).
5. Bảng đăng ký phương tiện dự kiến đầu tư để thực hiện khai thác tuyến (Mẫu số 4).
6. Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Mẫu số 5).
8. Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 6).
7. Năng lực bảo dưỡng phương tiện (Mẫu số 7).
9. Bảng đánh giá năng lực và hoạt động kinh doanh khai thác tuyến (Mẫu số 8).
10. Bảng tự kê khai đánh giá kỹ thuật (Mẫu số 9).

Phụ lục 3
BẢNG ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC KINH DOANH VẬN
TÀI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (Đạt)	Ghi chú (Tài liệu cần nộp)
1	Điều kiện kinh doanh		
1.1	Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt	Giấy phép kinh doanh đúng quy định	Bản sao có chứng thực
1.2	Năng lực tài chính (nguồn vốn chủ sở hữu để thực hiện đầu tư khai thác)	Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán, trường hợp là tổ chức mới thành lập trong năm, thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu;	Bản sao có chứng thực
2	Năng lực khai thác tuyến		
2.1	Phương án khai thác tuyến	- Phương án khai thác tuyến đảm bảo các thông tin: Số lượng xe, loại xe, tần suất, thời gian hoạt động trong ngày; phương án giá vé, đầu tư nhà chờ, điểm dừng; bố trí lái xe và nhân viên phục vụ...; - Về số lượng xe, tần suất, thời gian hoạt động đảm bảo theo Phụ lục 5.	Phương án khai thác tuyến đảm bảo theo mẫu quy định
2.2	Phương tiện xe buýt sử dụng khai thác vận chuyển khách	- Số lượng xe đảm bảo theo Phương án khai thác tuyến; - Xe phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê xe bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. - Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định	- Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp. Danh sách phương tiện hiện có theo Mẫu số 3 và Bảng dự kiến đầu tư Mẫu số 4 của Phụ lục 2

		<p>hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;</p> <p>- Trường hợp chưa có phương tiện thì phải có hợp đồng hoặc văn bản được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện theo thời hạn quy định</p> <p>- Xe phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5; điểm c, khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ</p>	
2.3	Đăng ký chất lượng dịch vụ	<p>- Có giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải theo Mẫu số 5 của Phụ lục 2</p> <p>- Áp dụng Quy trình chất lượng dịch vụ vận tải theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành hoặc đơn vị tự xây dựng Quy trình chất lượng dịch vụ vận tải được cơ quan có thẩm quyền công nhận</p>	Đăng ký chất lượng dịch vụ
2.4	Camera, thiết bị giám sát hành trình trên xe	Có hợp đồng lắp đặt hoặc cam kết lắp đặt camera, giám sát hành trình trên xe theo đúng quy định	Hợp đồng lắp đặt hoặc Bản cam kết lắp đặt
2.5	Bảo đảm an toàn giao thông	Quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu quy định	Quy trình bảo đảm an toàn giao thông
2.6	Phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công cách mạng	Có cam kết hoặc phương án phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công cách mạng	Cam kết hoặc Phương án



Phụ lục 4
BẢNG ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT CỦA ĐƠN VỊ VẬN TẢI
THEO HỒ SƠ LỰA CHỌN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng Hồ sơ được thực hiện theo phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100, bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Niên hạn sử dụng và trang thiết bị trên xe	65		25
1.1	Niên hạn sử dụng xe tính từ năm sản xuất đến thời điểm nộp hồ sơ, xe có niên hạn khác nhau thì thực hiện tính điểm bình quân, không xem xét xe đã có trên 10 năm niên hạn sử dụng (trừ xe điện)	50		20
a	Xe mới 100% chưa qua sử dụng hoặc Xe điện còn niên hạn sử dụng theo quy định		50	
b	Xe có 1 đến 5 năm niên hạn sử dụng (1 năm được 40 điểm, cứ thêm 1 năm niên hạn thì trừ 2 điểm)		32-40	
c	Xe có từ trên 5 năm đến 08 năm niên hạn (từ trên 05 năm được 30 điểm, cứ thêm 01 năm niên hạn thì trừ 3 điểm nhưng không quá 08 năm niên hạn)		24-30	
d	Xe có niên hạn từ trên 8 năm đến 10 năm		20	20
1.2	Các trang thiết bị trên phương tiện	15		5
a	Có điều hòa nhiệt độ (mỗi phương tiện phải có trang bị)		5	5
b	Có Wifi (mỗi phương tiện phải có trang bị)		5	0
c	Có thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật (mỗi phương tiện phải có trang bị)		5	0
2	Năng lực bảo dưỡng phương tiện	10		5
a	Trực tiếp của đơn vị		10	
b	Hợp đồng thuê đơn vị khác thực hiện		5	5
3	Hoạt động kinh doanh khai thác tuyến	15		10
a	Có cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; chấp hành quy định của cấp có thẩm quyền quy định về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh.		5	5
b	Có cam kết về kế hoạch thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác		5	5
c	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành (chứng minh bằng tài liệu thực tế)		5	0
4	Về kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải loại hình xe buýt	10		0
a	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt ở 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		5	0
b	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		10	0



Phụ lục 5: Phương tiện đầu tư
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Mã số tuyến	Tên tuyến	Số chuyến xe hoạt động trong ngày (tối thiểu)	Tần suất (tối đa)	Giờ mở tuyến	Giờ đóng tuyến	Số lượng phương tiện đầu tư (tối thiểu)
01	Thành phố Đồng Hà đi Hồ Xá và ngược lại	48 chuyến	30 phút/chuyến	5giờ 30 phút	18giờ 00 phút	06 xe
02	Thành phố Đồng Hà đi Hải Lăng và ngược lại	22 chuyến	60 phút/chuyến	6giờ 00 phút	17giờ 00 phút	02 xe
03	Cam Lộ đi Cửa Tùng và ngược lại	24 chuyến	45 phút/chuyến	5giờ 30 phút	18giờ 15 phút	04 xe
Cộng						12 xe

Mẫu số 1

Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN**Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Trị**

Sau khi nghiên cứu và khảo sát sơ bộ tuyến xe buýt:....., đơn vị:(Ghi chính xác tên đơn vị đăng ký lựa chọn) đăng ký khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt, như sau:

- Tên tuyến: (điểm đầu)..... đến (điểm cuối) và ngược lại.
- Mã số tuyến:
- Cự ly vận chuyển:km.
- Lộ trình chạy xe:.... ..
- Tần suất chạy xe:...
- Giờ mở tuyến:giờ....phút; Giờ đóng tuyến: giờ... phút.
- Thời gian hoạt động trong ngày: giờ (tối thiểu theo Phụ lục 5).
- Tổng số xe đăng ký:xe (tối thiểu theo Phụ lục 5).
- Loại xe: ...; nhãn hiệu...;năm sản xuất...; Số chỗ... (ngồi..., chỗ đứng...);màu sơn...

1. Tham gia Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh vận tải.
4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt này.
5. Thực hiện đúng các đề xuất và cam kết về kỹ thuật, phương án tổ chức đưa ra trong hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến.

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 2

Tên đơn vị CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:

Điểm đầu tuyến: Điểm cuối tuyến:

Lộ trình xe chạy: và ngược lại.

Tần suất chạy xe:phút/chuyến.

2. Biểu đồ chạy xe:

3. Thời gian thực hiện hành trình chạy xe:..... phút

4. Tốc độ lữ hành:....Km/h

5. Số lượng, chủng loại của xe khai thác trên tuyến:

Tổng số xe: chiếc (tối thiểu theo Phụ lục 4). Trong đó số xe dự phòng: chiếc.

Sức chứa: chỗ ngồi, chỗ đứng.

Nhãn hiệu:

Năm sản xuất:

Màu sơn:

6. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên bán vé trên xe:

Tổng số lái xe, nhân viên phục vụ:người;

Số lượng lái xe, nhân viên phục vụ /1 xe:

Chứng chỉ tập huấn:.....; Đồng phục:.....

7. Giá vé và cước hành lý:

7.1. Giá vé:

7.1.1. Giá vé suốt tuyến:đồng/HK.

7.1.2. Giá vé chặng:

- Chặng 1 (từ..... đến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ đến.....):đồng/HK.

-

7.1.3. Giá vé dành cho người có công, người cao tuổi, người khuyết tật,.....

7.2. Giá cước hành lý:

7.2.1. Hành lý được miễn cước:kg.

7.2.2. Giá cước hành lý vượt quá mức miễn cước:đ/kg.

8. Hình thức bán vé:

9. Nhà chờ, điểm dừng:

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 3

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH HIỆN CÓ

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị: xe.

TT	Biển số	Năm sản xuất	Sức chứa (chỗ đứng + chỗ ngồi)	Màu sơn	Các trang thiết bị		
					Điều hòa	Wifi	Thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật

*** Ghi chú:**

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;
- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị).

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 4

Tên đơn vị CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 , ngày tháng năm

**BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ
 ĐỂ THỰC HIỆN KHAI THÁC TUYỂN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN**

Tổng số lượng phương tiện đăng ký đầu tư: xe.

TT	Loại xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Sức chứa (chỗ đứng + chỗ ngồi)	Màu sơn	Các trang thiết bị		
						Điều hòa	Wifi	Thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật
1								

*** Ghi chú:**

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo: Hợp đồng hoặc văn bản được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện.

Đại diện hợp pháp của đơn vị
 (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 5

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..... , ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Trị

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ trong đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 6

Tên đơn vị CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUY TRÌNH
BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

Bước	Nội dung	Tổ chức, cá nhân thực hiện	Thời điểm thực hiện
1	- Theo dõi, tổng hợp, phân tích các dữ liệu hoạt động của từng phương tiện (thông qua thiết bị GSHT, camera) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá, nhắc nhở, chấn chỉnh lái xe đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe về các vấn đề liên quan đến ATGT.	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Thường xuyên trong hoạt động kinh doanh vận tải khách của đơn vị
	- Bố trí xe và lái xe, nhân viên phục vụ thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định)	Bộ phận điều độ (hoặc cán bộ được phân công).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển
2	Chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe, nhân viên phục vụ	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận điều độ	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển
3	- Kiểm tra GPLX; chứng chỉ tập huấn; giấy tờ xe; Lệnh vận chuyển; - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất và các nội dung khác có liên quan.	Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe, nhân viên phục vụ	Trước khi thực hiện vận chuyển
4	Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của xe: - Kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT, camera; - Kiểm tra hệ thống lái, hệ thống phanh... - Ghi chép kết quả kiểm tra và chuyển cho cán bộ được lãnh đạo phân công.	Lái xe	Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành
5	- Tiếp nhận kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận. Nếu có nội dung không đảm bảo thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe thay thế; - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện.	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công.	Trước khi cho xe khởi hành

6	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT; - Tổng hợp các sự cố mất ATGT trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất ATGT. 	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Khi xe đang hoạt động
7	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm các quy định về ATGT trong quá trình điều khiển xe vận chuyển hành khách; - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất ATGT để đơn vị có biện pháp xử lý. 	Lái xe	Khi xe đang hoạt động
8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có) và tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm; - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất ATGT trong quá trình kinh doanh vận tải; 	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Định kỳ hằng tháng
9	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê quãng đường xe chạy để thực hiện chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện. 	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Khi kết thúc hành trình

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 7

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN

TT	Nội dung	Trực tiếp của đơn vị hoặc có hợp đồng hợp tác bảo dưỡng với đơn vị khác theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ bảo dưỡng	Đơn vị giao cho lái xe tự bảo dưỡng	Ghi chú
1	Năng lực bảo dưỡng phương tiện			

*** Ghi chú:**

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện: Đơn vị được đánh giá là đủ điều kiện tự bảo dưỡng phương tiện phải nộp kèm Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với trường hợp có hợp đồng hợp tác bảo dưỡng với đơn vị khác theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ bảo dưỡng bảo dưỡng: Đơn vị cung cấp hợp đồng hợp tác hoặc hợp đồng thuê bảo dưỡng, Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 8

Tên đơn vị CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC KINH DOANH VẬN
TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

TT	Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh	Diễn giải	Tự đánh giá
1	Điều kiện kinh doanh		
	Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt		
2	Năng lực khai thác tuyến		
2.1	Phương án đầu tư, khai thác tuyến		
2.2	Phương tiện xe buýt sử dụng khai thác vận chuyển khách		
2.3	Đăng ký chất lượng dịch vụ		
2.4	Camera, thiết bị Giám sát hành trình trên xe		
2.5	Bảo đảm an toàn giao thông		
2.6	Phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công		

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 9Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BẢNG TỰ KÊ KHAI ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

TT	Nội dung đánh giá	Diễn giải	Tự đánh giá	Ghi chú
1	Niên hạn sử dụng và trang thiết bị trên xe			
1.1	Niên hạn sử dụng			
a	Xe mới 100% chưa qua sử dụng hoặc Xe điện còn niên hạn sử dụng theo quy định			
b	Xe có 1 đến 5 năm niên hạn sử dụng			
c	Xe có từ trên 5 năm đến 08 năm niên hạn			
d	Xe có niên hạn từ trên 8 năm đến 10 năm			
1.2	Các trang thiết bị trên phương tiện			
a	Có điều hòa nhiệt độ (mỗi phương tiện phải có trang bị)			
b	Có Wifi (mỗi phương tiện phải có trang bị)			
c	Có thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật (mỗi phương tiện phải có trang bị)			
2	Năng lực bảo dưỡng phương tiện			
a	Trực tiếp của đơn vị			
b	Hợp đồng thuê đơn vị khác thực hiện			
3	Hoạt động kinh doanh khai thác tuyến			
a	Có cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; chấp hành quy định của cấp có thẩm quyền quy định về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh.			
b	Có cam kết về kế hoạch thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác			
c	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành (chứng minh bằng tài liệu thực tế)			
4	Về kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải loại hình xe buýt			
a	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt ở 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
b	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt từ 02 tỉnh, thành phố			

Đại diện hợp pháp của đơn vị*(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*